TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 269/2024/HNGĐ-ST. Ngày 26– 12 – 2024. V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Chí Khá.

Bà Lý Thị Thu Thúy.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 144/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị C.

Địa chỉ: Ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lương Hoàng N.

Địa chỉ: Ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày: Chị và anh Lương Hoàng N chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình không thể hòa giải, hàn gắn được. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được nên đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị quyết định ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Lương A (giới tính nữ), sinh ngày 08/10/2009 và Lương T (giới tính nữ), sinh ngày 03/3/2013, hiện đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay chị Trần Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Lương Hoàng N.

Về con chung: Chị Trần Thị C yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị C vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Hoàng N đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và chưa đưa ra yêu cầu của mình.

Tại phiên toà anh Lương Hoàng N vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị C và anh Lương Hoàng N chung sống với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không phù hợp quan điểm trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn anh chị đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Toà án cũng tạo điều kiện hoà giải nhưng anh Lương Hoàng N đều vắng mặt nên không hoà giải được, hiện nay chị Trần Thị C vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Trần Thị C được ly hôn với anh Lương Hoàng N.

[2] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lương A (giới tính nữ), sinh ngày 08/10/2009 và Lương T (giới tính nữ), sinh ngày 03/3/2013 đang sống chung với mẹ là chị Trần Thị C. Chị Trần Thị C yêu cầu được nuôi hết hai con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh Lương Hoàng N không có ý kiến. Xét thấy hai con chung của anh chị hiện nay chưa thành niên nhưng đều đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của hai con chung thì cháu Lương A và cháu Lương T đều có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Trần Thị C khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao hai con chung tên Lương A và Lương T cho chị Trần Thị C được quyền nuôi dưỡng. Anh Lương Hoàng N chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị C chưa có yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Trần Thị C khai không có, anh Lương Hoàng N không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Trần Thị C phải chịu.

[5] Đối với sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Chị Trần Thị C là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lương Hoàng N là bị đơn dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị C được ly hôn với anh Lương Hoàng N.

2. Về con chung: Chị Trần Thị C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Lương A (giới tính nữ), sinh ngày 08/10/2009 và Lương T (giới tính nữ), sinh ngày 03/3/2013. Anh Lương Hoàng N chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị C chưa có yêu cầu. Anh Lương Hoàng N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc chị Trần Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị C đã nộp theo biên lai thu số 0001067 ngày 01/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị C và anh Lương Hoàng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND xã Tân Tiến;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện